

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VINACONEX
CÔNG TY CỔ PHẦN NEDI2**

Số: **449** /2016/CV-TCHC

V/v: Công bố BCTC giữa niên độ đã soát xét cho kỳ
6 tháng kết thúc ngày 30/6/2016 và giải trình lợi
nhuận sau thuế kết thúc ngày 30/6/2016 so với kết
thức ngày 30/6/2015

**CONG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----oOo-----

Lào Cai, ngày **25** tháng 07 năm 2016

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Căn cứ thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 về việc hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Công ty cổ phần đầu tư và phát triển điện Miền Bắc 2 xin trân trọng thông báo tới Quý đơn vị như sau:

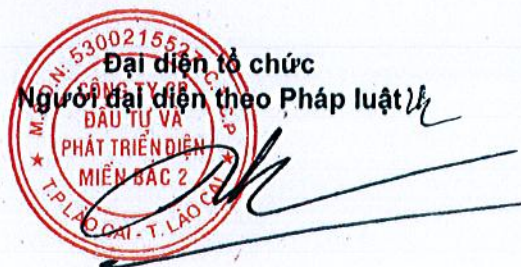
1. Tên tổ chức phát hành: Công ty cổ phần đầu tư và phát triển điện Miền Bắc 2
2. Mã chứng khoán: ND2
3. Trụ sở chính: Số 336 Đường Hoàng Liên, phường Kim Tân, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai.
4. Điện thoại: 0203 501 540 Fax: 0203 906 661
5. Người thực hiện công bố thông tin: Ông Ứng Hồng Vận Tổng Giám đốc Công ty người đại diện theo Pháp Luật.
6. Nội dung của thông tin công bố:
 - 6.1 Công bố thông tin báo cáo tài chính giữa niên độ đã soát xét cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/06/2016 của Công ty cổ phần đầu tư và phát triển điện Miền Bắc 2 được lập ngày 20/07/2016 bao gồm: BCĐKT, BCKQKD, BCLCTT, TMBCTC kèm theo.
 - 6.2 Công bố thông tin về văn bản giải trình chênh lệch lợi nhuận sau thuế kết thúc ngày 30/06/2016 so với lợi nhuận sau thuế kết thúc ngày 30/06/2015 kèm theo.
7. Địa chỉ Website đăng tải toàn bộ báo cáo tài chính giữa niên độ đã soát xét cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Công ty và văn bản giải trình chênh lệch lợi nhuận sau thuế kết thúc ngày 30/06/2016 so với lợi nhuận sau thuế kết thúc ngày 30/06/2015 Tại đường dẫn <http://nedi2.com.vn> của Công ty.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước Pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu TCHC, thư ký.

**Đại diện tổ chức
Người đại diện theo Pháp luật**



TỔNG GIÁM ĐỐC
Ứng Hồng Vận

**Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện
Miền Bắc 2**

**Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016**

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2
Thông tin về Công ty

**Giấy Chứng nhận Đăng ký
Kinh doanh số**

1203000019

ngày 6 tháng 5 năm 2004

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của Công ty đã được điều chỉnh 8 lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 5300215527 ngày 5 tháng 7 năm 2013. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Lào Cai cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Ngọc Điệp
Ông Nguyễn Thanh Hoàn

Chủ tịch
Thành viên
(đến ngày 4 tháng 2 năm 2016)

Ông Ứng Hồng Vận
Ông Nguyễn Hữu Ngọc
Ông Nguyễn Thành Phương

Thành viên
Thành viên
Thành viên
(từ ngày 3 tháng 2 năm 2016)

Bà Đồng Thị Lan

Thành viên
(từ ngày 25 tháng 3 năm 2016)

Ban Giám đốc

Ông Ứng Hồng Vận
Ông Nguyễn Hải Đăng
Ông Trần Vĩnh Hào

Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc

Trụ sở đăng ký

Số 336, Đường Hoàng Liên
Phường Kim Tân, Thành phố Lào Cai
Tỉnh Lào Cai, Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2
Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2 (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày từ trang 5 đến trang 27 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.



Thay mặt Ban Giám đốc

Ứng Hồng Vận
Giám đốc

Thành phố Lào Cai, ngày 20 tháng 7 năm 2016

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi các Cổ đông

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2 (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ liên quan cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 20 tháng 7 năm 2016, được trình bày từ trang 5 đến trang 27.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2016

Mẫu B 01a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2016 VND	1/1/2016 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 130 + 140 + 150)	100		152.734.735.436	132.513.934.486
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	69.814.108.201	71.538.546.625
Tiền	111		19.814.108.201	11.538.546.625
Các khoản tương đương tiền	112		50.000.000.000	60.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		67.435.937.720	50.641.709.611
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	51.280.469.385	31.727.542.578
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		7.043.625.132	9.490.807.062
Phải thu ngắn hạn khác	136	7	9.111.843.203	9.423.359.971
Hàng tồn kho	140	8	14.343.677.458	9.713.934.067
Hàng tồn kho	141		14.343.677.458	9.713.934.067
Tài sản ngắn hạn khác	150		1.141.012.057	619.744.183
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.075.827.356	-
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	574.264.161
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	14	65.184.701	45.480.022
Tài sản dài hạn (200 = 220 + 240 + 260)	200		1.883.307.644.199	1.923.840.981.417
Tài sản cố định	220		1.880.004.384.444	1.912.588.214.027
Tài sản cố định hữu hình	221	9	1.871.713.079.313	1.904.296.908.896
Nguyên giá	222		1.975.956.285.424	1.974.089.893.197
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(104.243.206.111)	(69.792.984.301)
Tài sản cố định vô hình	227	10	8.291.305.131	8.291.305.131
Nguyên giá	228		8.291.305.131	8.291.305.131
Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
Tài sản dở dang dài hạn	240		3.119.095.475	10.681.315.849
Xây dựng cơ bản dở dang	242	11	3.119.095.475	10.681.315.849
Tài sản dài hạn khác	260		184.164.280	571.451.541
Chi phí trả trước dài hạn	261	12	184.164.280	571.451.541
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		2.036.042.379.635	2.056.354.915.903

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2016 VND	1/1/2016 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		1.562.740.679.292	1.560.888.311.785
Nợ ngắn hạn	310		228.017.601.711	159.376.699.203
Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	27.204.910.901	66.987.475.179
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	14	7.096.987.460	5.015.305.141
Phải trả người lao động	314		2.289.312.955	7.695.446.046
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	15	17.597.733.337	27.481.142.375
Phải trả ngắn hạn khác	319	16(a)	11.289.379.367	11.343.330.462
Vay ngắn hạn	320	17(a)	161.213.650.000	40.854.000.000
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.325.627.691	-
Nợ dài hạn	330		1.334.723.077.581	1.401.511.612.582
Phải trả dài hạn khác	337	16(b)	203.000.000	203.000.000
Vay dài hạn	338	17(b)	1.334.520.077.581	1.401.308.612.582
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		473.301.700.343	495.466.604.118
Vốn chủ sở hữu	410	18	473.301.700.343	495.466.604.118
Vốn cổ phần	411	19	415.296.507.633	415.296.507.633
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		415.296.507.633	415.296.507.633
Thặng dư vốn cổ phần	412		10.642.450.000	10.642.450.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		47.362.742.710	69.527.646.485
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		24.837.625.468	1.738.390.092
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		22.525.117.242	67.789.256.393
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		2.036.042.379.635	2.056.354.915.903

Ngày 20 tháng 7 năm 2016

Người lập:

Lâm Thị Hà
Kế toán tổng hợp

Đinh Tuấn Anh
Kế toán trưởng



Người duyệt:

Ứng Hồng Vận
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016

Mẫu B 02a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2016 VND	30/6/2015 VND
Doanh thu bán hàng	01		168.309.538.071	135.107.780.581
Giá vốn hàng bán	11		58.548.196.955	50.568.573.703
Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)	20		109.761.341.116	84.539.206.878
Doanh thu hoạt động tài chính	21		384.738.739	9.010.286.203
Chi phí tài chính	22	22	78.121.012.517	82.569.831.419
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		72.771.611.486	71.983.194.531
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	23	9.566.967.594	9.806.249.723
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 26)	30		22.458.099.744	1.173.411.939
Thu nhập khác	31		67.308.310	-
Chi phí khác	32		290.812	26.958.640
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		67.017.498	(26.958.640)
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		22.525.117.242	1.146.453.299
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	25	-	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)	60		22.525.117.242	1.146.453.299
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	26	542	28

Ngày 20 tháng 7 năm 2016

Người lập:

Lâm Thị Hà
Kế toán tổng hợp

Đinh Tuấn Anh
Kế toán trưởng



Người duyệt:

Ứng Hồng Vận
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2016 VND	30/6/2015 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		22.525.117.242	1.146.453.299
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		34.450.221.810	34.525.039.577
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(125.284.968)	-
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(111.464.457)	(380.028.647)
Chi phí lãi vay	06		72.771.611.486	71.983.194.531
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		129.510.201.113	107.274.658.760
Biến động các khoản phải thu	09		(16.239.668.627)	61.699.229.921
Biến động hàng tồn kho	10		(4.629.743.391)	(5.926.674.815)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		(46.772.131.319)	(27.847.319.927)
Biến động chi phí trả trước	12		(688.540.095)	(1.324.155.794)
			61.180.117.681	133.875.738.145
Tiền lãi vay đã trả	14		(72.839.092.271)	(84.737.264.834)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	(20.562.869)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(1.834.742.563)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(13.493.717.153)	49.117.910.442
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21		(1.866.392.227)	(42.809.666.718)
Tiền thu lãi tiền gửi	27		111.464.457	380.028.647
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(1.754.927.770)	(42.429.638.071)

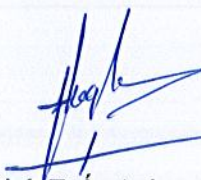
Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016****(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)****Mẫu B 03a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC**ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2016 VND	30/6/2015 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ đi vay	33		120.186.384.103	45.215.139.456
Tiền trả nợ gốc vay	34		(66.615.269.104)	(58.679.292.000)
Tiền trả cổ tức	36		(40.046.908.500)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		13.524.206.499	(13.464.152.544)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50		(1.724.438.424)	(6.775.880.173)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60	5	71.538.546.625	16.878.405.960
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60)	70	5	69.814.108.201	10.102.525.787

Ngày 20 tháng 7 năm 2016

Người lập:

Lâm Thị Hà
Kế toán tổng hợpĐinh Tuấn Anh
Kế toán trưởng

Người duyệt:

Ứng Hồng Vận
Tổng Giám đốc*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này*

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2 (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty là:

- đầu tư xây dựng vận hành các dự án thủy điện tại tỉnh Lào Cai và các tỉnh miền Bắc;
- mua bán vật liệu xây dựng;
- tư vấn thiết kế các công trình dân dụng, công nghiệp, cầu đường, cấp thoát nước, thủy điện, điện, thủy lợi;
- nhận thầu xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp, điện, bưu chính viễn thông, thủy lợi, giao thông đường bộ các cấp, sân bay, bến cảng, cầu, cống, các công trình kỹ thuật, hạ tầng đô thị và khu công nghiệp, các công trình đường dây, trạm biến thế, thi công san lấp nền móng, xử lý nền đất yếu, cấp, thoát nước, lắp đặt đường ống công nghệ và áp lực, điện lạnh và trang trí nội thất;
- đầu tư kinh doanh bất động sản, nhà ở và văn phòng cho thuê;
- kinh doanh nhà hàng, khách sạn, du lịch sinh thái, khu vui chơi giải trí;
- sản xuất và mua bán, xuất nhập khẩu máy móc, thiết bị, phục vụ xây dựng; và
- khai thác, sản xuất vật liệu xây dựng: đá, cát, sỏi.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, Công ty có 99 nhân viên (1/1/2016: 98 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này.

Những chính sách kế toán được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính năm gần nhất.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản/bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(b) Tiền và khác khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(d) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(e) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ công trình thủy điện	35 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 5 năm
▪ máy móc và thiết bị	20 năm
▪ phương tiện vận chuyển	6 năm

(f) Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất không có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá và không khấu hao.

(g) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(h) Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm chi phí thuê văn phòng và chi phí thiết bị văn phòng trả trước.

(i) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(j) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(k) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(l) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu từ bán điện

Doanh thu được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và doanh thu có thể đo lường được. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

Doanh thu từ việc bán điện được xác định và tính toán dựa trên Hợp đồng Mua bán Điện giữa Công ty và Công ty Mua bán Điện – Tập đoàn Điện lực Việt Nam. Doanh thu chỉ bao gồm tiền bán điện do Nhà máy Thủy điện Ngòi Phát sản xuất ra. Doanh thu được ghi nhận mỗi tháng một lần.

Tiền bán điện được tính toán dựa trên biểu giá được xác định từ trước nhân với sản lượng điện Công ty sản xuất được.

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(m) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(n) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu (“EPS”) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho kỳ kế toán báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng, bao gồm trái phiếu có thể chuyển đổi và quyền mua cổ phiếu.

(o) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

4. Các thay đổi trong ước tính kế toán

Khi lập báo cáo tài chính hàng năm và báo cáo tài chính giữa niên độ, Ban Giám đốc thực hiện một số ước tính kế toán. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính kế toán này.

Xét đoán quan trọng mà Ban Giám đốc thực hiện đối với việc áp dụng các chính sách kế toán của Công ty đồng thời cũng là nguồn gốc chính của sự không chắc chắn trong các ước tính không thay đổi kể từ khi lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2016	1/1/2016
	VND	VND
Tiền mặt	1.822.584.701	116.992.361
Tiền gửi ngân hàng	17.991.523.500	11.421.554.264
Các khoản tương đương tiền	50.000.000.000	60.000.000.000
	69.814.108.201	71.538.546.625

Các khoản tương đương tiền tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 bao gồm 50.000 triệu VND (1/1/2016: Không có) đã được dùng để thế chấp ngân hàng để bảo đảm cho khoản vay ngắn hạn của Công ty (Thuyết minh 17(a)).

6. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

Khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 là khoản phải thu từ Công ty Mua bán Điện – Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

7. Phải thu ngắn hạn khác

	30/6/2016	1/1/2016
	VND	VND
Phải thu người lao động	9.991.353	12.091.828
Các khoản chi hộ	1.436.426.596	1.508.108.163
Tạm ứng	6.515.517.686	6.551.257.179
Ký cược, ký quỹ	250.972.714	250.972.714
Phải thu khác	898.934.854	1.100.930.087
	9.111.843.203	9.423.359.971

8. Hàng tồn kho

	30/6/2016		1/1/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên vật liệu	735.818.343	-	489.503.623	-
Công cụ và dụng cụ	13.607.859.115	-	9.224.430.444	-
	14.343.677.458	-	9.713.934.067	-

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

9. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Công trình thủy điện VND	Thiết bị văn phòng VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu kỳ	1.407.830.000.000	66.050.958	562.519.611.934	3.674.230.305	1.974.089.893.197
Tăng trong kỳ	-	-	36.500.000	1.829.892.227	1.866.392.227
Số dư cuối kỳ	1.407.830.000.000	66.050.958	562.556.111.934	5.504.122.532	1.975.956.285.424
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	40.224.285.714	66.050.958	28.352.570.157	1.150.077.472	69.792.984.301
Khấu hao trong kỳ	20.112.142.857	-	14.038.457.900	299.621.053	34.450.221.810
Số dư cuối kỳ	60.336.428.571	66.050.958	42.391.028.057	1.449.698.525	104.243.206.111
Giá trị còn lại					
Số dư đầu kỳ	1.367.605.714.286	-	534.167.041.777	2.524.152.833	1.904.296.908.896
Số dư cuối kỳ	1.347.493.571.429	-	520.165.083.877	4.054.424.007	1.871.713.079.313

Các tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 và 1 tháng 1 năm 2016 có nguyên giá là 721 triệu VND.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 toàn bộ tài sản cố định hữu hình được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay dài hạn của Công ty (Thuyết minh 17(b)).

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình thể hiện thể hiện giá trị quyền sử dụng đất lâu dài và chi phí san nền, giải phóng mặt bằng liên quan đến lô đất tại Đường Thủy Hoa, Phường Duyên Hải, Thành phố Lào Cai.

11. Xây dựng cơ bản dở dang

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2016 VND	Năm kết thúc ngày 31/12/2015 VND
Số dư đầu kỳ/năm	10.681.315.849	1.867.447.381.354
Tăng trong kỳ/năm	-	111.845.316.131
Chuyển từ chi phí trả trước dài hạn	-	7.596.295.065
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình (*)	-	(1.970.020.000.000)
Xóa sổ	(7.562.220.374)	(6.187.676.701)
Số dư cuối kỳ/năm	3.119.095.475	10.681.315.849

(*) Tại ngày 1 tháng 1 năm 2015, dự án công trình thủy điện Ngòi Phát đi vào hoạt động chính thức và được chuyển sang tài sản cố định hữu hình theo quyết định của Ban Giám đốc Công ty. Công ty đã ghi nhận nguyên giá của dự án công trình thủy điện này bằng tổng mức đầu tư của dự án được duyệt là 1.970.020 triệu VND, xấp xỉ với chi phí thực tế phát sinh tạm tính của dự án. Giá trị dự án công trình thủy điện Ngòi Phát sẽ được điều chỉnh khi hồ sơ quyết toán công trình được hoàn thiện và phê duyệt.

Tại ngày phát hành báo cáo tài chính giữa niên độ này, các hồ sơ quyết toán vẫn chưa được hoàn thiện.

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang bao gồm:

	30/6/2016 VND	1/1/2016 VND
Công trình Thủy điện Ngòi Phát	-	7.562.220.374
Công trình Khu Đô thị Thương mại Thủy Hoa	2.391.822.749	2.391.822.749
Dự án Ngòi Phát mở rộng	36.363.636	36.363.636
Dự án suối Chăn	690.909.090	690.909.090
	3.119.095.475	10.681.315.849

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

12. Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí thiết bị văn phòng VND
Số dư đầu kỳ	571.451.541
Tăng trong kỳ	-
Phân bổ trong kỳ	(387.287.261)
Số dư cuối kỳ	<u>184.164.280</u>

13. Phải trả người bán ngắn hạn

(a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn

	30/6/2016		1/1/2016	
	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND
Công ty Cổ phần Vimenco	5.451.711.016	5.451.711.016	13.597.592.229	13.597.592.229
Công ty TNHH Tư nhân Andritz Hydro	7.053.629.847	7.053.629.847	8.823.871.182	8.823.871.182
Công ty TNHH Xây dựng và Lắp đặt Thủy điện tỉnh Triết Giang	6.736.845.205	6.736.845.205	27.882.953.914	27.882.953.914
Công ty Cổ phần Xây dựng số 7	877.588.625	877.588.625	1.749.442.970	1.749.442.970
Các nhà cung cấp khác	7.085.136.208	7.085.136.208	14.933.614.884	14.933.614.884
	<u>27.204.910.901</u>	<u>27.204.910.901</u>	<u>66.987.475.179</u>	<u>66.987.475.179</u>

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Phải trả người bán là các bên liên quan

	30/6/2016		1/1/2016	
	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND
Công ty Cổ phần Vimenco	5.451.711.016	5.451.711.016	13.597.592.229	13.597.592.229
Công ty Cổ phần Xây dựng số 7	877.588.625	877.588.625	1.749.442.970	1.749.442.970
Công ty Cổ phần Xây dựng số 5	56.866.360	56.866.360	125.740.469	125.740.469
Công ty Cổ phần Xây dựng				
Công trình ngầm	-	-	201.343.070	201.343.070
Công ty Cổ phần Vimenco				
Cơ khí và Thương mại	144.322.381	144.322.381	1.116.943.700	1.116.943.700
	6.530.488.382	6.530.488.382	16.791.062.438	16.791.062.438

Khoản phải trả thương mại đối với các bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải hoàn trả khi được yêu cầu.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, Công ty không có khoản phải trả nào quá hạn chưa thanh toán.

14. Thuế và các khoản khác phải thu và phải nộp Nhà nước

	1/1/2016 VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã nộp/khấu trừ trong kỳ VND	30/6/2016 VND
Thuế giá trị gia tăng	-	14.875.661.126	(13.765.805.905)	1.109.855.221
Thuế nhà thầu	1.370.663.155	34.410.331	(550.292.313)	854.781.173
Thuế nhập khẩu	(10.326.045)	-	-	(10.326.045)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(35.153.977)	-	-	(35.153.977)
Thuế thu nhập cá nhân	122.778.162	847.261.144	(989.743.985)	(19.704.679)
Thuế tài nguyên	3.521.863.824	10.967.337.400	(9.356.850.158)	5.132.351.066
	4.969.825.119	26.724.670.001	(24.662.692.361)	7.031.802.759

Trong đó:

	30/6/2016 VND	1/1/2016 VND
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	(65.184.701)	(45.480.022)
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	7.096.987.460	5.015.305.141
	7.031.802.759	4.969.825.119

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)



15. Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/6/2016	1/1/2016
	VND	VND
Lãi vay phải trả	12.893.617.446	12.961.098.231
Chi phí phải trả cho tài sản cố định hữu hình	4.650.851.442	14.520.044.144
Các khoản trích trước khác	53.264.449	-
	17.597.733.337	27.481.142.375

16. Các khoản phải trả khác

(a) Phải trả ngắn hạn khác

	30/6/2016	1/1/2016
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	129.242.205	109.262.259
Bảo hiểm xã hội, y tế và thất nghiệp	74.920.642	-
Phí bảo lãnh phải trả công ty mẹ	6.898.632.392	5.970.230.412
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	4.186.584.128	5.263.837.791
	11.289.379.367	11.343.330.462

(b) Phải trả dài hạn khác

	30/6/2016	1/1/2016
	VND	VND
Các khoản phải trả dài hạn khác	203.000.000	203.000.000

(c) Phải trả khác cho các bên liên quan

	30/6/2016	1/1/2016
	VND	VND
Phải trả công ty mẹ	6.898.632.392	5.970.230.412
Phải trả các công ty liên quan khác	41.158.810	41.158.810

Khoản phải trả công ty mẹ không được đảm bảo, không chịu lãi và phải hoàn trả khi được yêu cầu.

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

17. Vay

(a) Vay ngắn hạn

	1/1/2016		Biến động trong kỳ		30/6/2016
	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	500.000.000	500.000.000	97.382.919.104	(50.853.269.104)	47.029.650.000
Vay dài hạn đến hạn trả	40.354.000.000	40.354.000.000	89.592.000.000	(15.762.000.000)	114.184.000.000
	40.854.000.000	40.854.000.000	186.974.919.104	(66.615.269.104)	161.213.650.000

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	30/6/2016 VND	1/1/2016 VND
Công ty Cổ phần Vimeco	VND	0%	500.000.000	500.000.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Hòa Bình	VND	8%	5.000.000.000	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh SGD 1	VND	8%	41.529.650.000	-
			47.029.650.000	500.000.000

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Vay dài hạn

	30/6/2016 VND	1/1/2016 VND
Vay dài hạn	1.448.704.077.581	1.441.662.612.582
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(114.184.000.000)	(40.354.000.000)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	1.334.520.077.581	1.401.308.612.582

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	30/6/2016 VND	1/1/2016 VND
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	VND	10,5%	2027	1.057.257.982.581	1.041.081.517.582
Ngân hàng Phát triển Việt Nam	VND	6,9-11,4%	2020	391.446.095.000	400.581.095.000
				1.448.704.077.581	1.441.662.612.582

Các tài sản đảm bảo của các khoản vay dài hạn là toàn bộ dự án công trình thủy điện Ngòi Phát, bao gồm quyền sử dụng đất, kể cả nhà máy, cùng với các tòa nhà, công trình xây dựng và mọi bất động sản khác được xây dựng, nâng cấp và gắn liền hay tọa lạc vĩnh viễn tại dự án hay trên khu đất trong thời điểm hiện tại và tương lai; toàn bộ máy móc thiết bị (trong phạm vi tối đa được các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan cho phép) và các động sản liên quan đến hoặc thuộc về dự án (cho dù đang có hay sẽ hình thành trong tương lai) của Công ty theo hợp đồng thế chấp với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam và Ngân hàng Phát triển Việt Nam được chia tương ứng theo tỷ lệ vốn vay từ các ngân hàng này.

(c) Vay quá hạn chưa thanh toán

	30/6/2016		1/1/2016
	Gốc VND	Lãi VND	Gốc VND
Vay ngắn hạn – Công ty Cổ phần Vimeco (*)	500.000.000	-	500.000.000

(*) Ngày 13 tháng 12 năm 2011, Công ty ký kế ước vay vốn lưu động với Công ty Cổ phần Vimeco, với số tiền vay là 500 triệu VND. Khoản vay đã quá hạn thanh toán từ ngày 14 tháng 12 năm 2011 nhưng chưa được gia hạn. Lãi suất cố định là 14%/năm. Khoản vay không có tài sản đảm bảo. Công ty và Công ty Cổ phần Vimeco đã thỏa thuận thanh toán khoản vay này cùng với các khoản phải trả người bán đối với Công ty Cổ phần Vimeco khi hồ sơ quyết toán các công trình do Công ty Cổ phần Vimeco làm chủ thầu cho Công ty được hoàn thiện và phê duyệt. Ngày 7 tháng 7 năm 2016, Công ty Cổ phần Vimeco đã phát hành công văn thông qua việc điều chỉnh lãi suất đối với khoản vay này về mức 0%/năm kể từ ngày nhận nợ.

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

18. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn điều lệ VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2015	415.296.507.633	10.642.450.000	8.628.956.068	1.738.390.092	436.306.303.793
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	1.146.453.299	1.146.453.299
Chênh lệch tỷ giá	-	-	(8.628.956.068)	-	(8.628.956.068)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2015	415.296.507.633	10.642.450.000	-	2.884.843.391	428.823.801.024
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2016	415.296.507.633	10.642.450.000	-	69.527.646.485	495.466.604.118
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	22.525.117.242	22.525.117.242
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(3.160.370.254)	(3.160.370.254)
Cổ tức (Thuyết minh 20)	-	-	-	(41.529.650.763)	(41.529.650.763)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2016	415.296.507.633	10.642.450.000	-	47.362.742.710	473.301.700.343

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

19. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	30/6/2016		1/1/2016	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	50.000.000	500.000.000.000	50.000.000	500.000.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	41.529.650	415.296.507.633	41.529.650	415.296.507.633
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	41.529.650	415.296.507.633	41.529.650	415.296.507.633

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

20. Cổ tức

Tại cuộc họp ngày 25 tháng 3 năm 2016, Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức 41.530 triệu VND (1.000 VND trên một cổ phiếu).

21. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

(a) Ngoại tệ các loại

	30/6/2016		1/1/2016	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	388	8.215.474	421	8.947.295

(b) Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 Công ty có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	30/6/2016 VND	1/1/2016 VND
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	12.222.000.000	-

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

22. Chi phí tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016	30/6/2015
	VND	VND
Chi phí lãi vay	72.771.611.486	71.983.194.531
Chi phí tài chính khác	5.349.401.031	10.586.636.888
	78.121.012.517	82.569.831.419

23. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016	30/6/2015
	VND	VND
Chi phí nhân công	4.793.617.787	3.921.180.884
Chi phí đồ dùng văn phòng phẩm	237.091.455	252.536.282
Chi phí khấu hao	310.221.810	385.039.577
Chi phí dịch vụ mua ngoài	521.276.233	3.508.184.131
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	3.704.760.309	1.739.308.849
	9.566.967.594	9.806.249.723

24. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016	30/6/2015
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	966.044.881	832.356.511
Chi phí nhân công	9.131.530.163	7.534.863.935
Chi phí khấu hao	34.450.221.810	34.525.039.577
Chi phí dịch vụ mua ngoài	647.516.778	8.762.031.055
Chi phí khác	22.919.850.917	8.720.532.348

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

25. Thuế thu nhập

(a) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016 VND	30/6/2015 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	22.525.117.242	1.146.453.299
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	4.505.023.448	252.219.726
Chi phí không được khấu trừ thuế	58.163	5.930.901
Ưu đãi thuế	(4.505.081.611)	(258.150.627)
	-	-

(b) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong Giấy Chứng nhận Đầu tư, dự án được hưởng các ưu đãi theo Luật Đầu tư năm 2005 và các quy định pháp luật hiện hành. Các quy định hiện hành về thuế cho phép Công ty được miễn thuế thu nhập trong 4 năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế từ hoạt động sản xuất kinh doanh chính (từ năm 2015 đến năm 2018) và giảm 50% thuế thu nhập trong 9 năm tiếp theo (từ năm 2019 đến năm 2027). Mức thuế ưu đãi 10% được áp dụng trong thời gian 15 năm kể từ khi dự án bắt đầu bước vào giai đoạn kinh doanh. Sau đó, Công ty sẽ áp dụng mức thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Luật thuế thu nhập doanh nghiệp cũng quy định rằng nếu Công ty không phát sinh lợi nhuận chịu thuế trong ba năm liên tiếp từ năm đầu tiên Công ty có doanh thu thì thời gian miễn thuế trên sẽ được tính bắt đầu từ năm thứ tư dù có lợi nhuận chịu thuế hay không.

Tất cả các miễn giảm thuế trên sẽ không áp dụng với các khoản thu nhập khác, các khoản thu nhập khác này sẽ chịu thuế suất 20% kể từ năm 2016 (2015: 22%).

26. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số phần bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho kỳ kế toán báo cáo là 22.525 triệu VND (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2015: 1.146 triệu VND) và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền là 41.529.650 cổ phiếu (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2015: 41.529.650 cổ phiếu).

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

27. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính giữa niên độ, trong kỳ Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016 VND	30/6/2015 VND
Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam		
Phí bảo lãnh khoản vay ngân hàng	5.268.177.519	10.580.652.401
Thanh toán phí bảo lãnh khoản vay ngân hàng	5.289.722.612	34.992.938.026
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam		
Số tiền vay nhận trong kỳ	108.559.384.103	32.359.692.456
Số gốc vay trả trong kỳ	50.853.269.104	52.848.292.000
Công ty Cổ phần Vimeco		
Mua hàng	419.695.129	12.312.230.742
Công ty Cổ phần Xây dựng số 7		
Mua hàng	-	4.804.873.655
Công ty Cổ phần Xây Dựng số 5		
Mua hàng	706.854.602	179.283.700
Công ty Cổ phần Vimeco Cơ khí và Thương mại		
Mua hàng	14.591.770	1.343.704.043
Thành viên Ban Giám đốc		
Tiền lương và thưởng	1.100.558.249	624.708.645

Ngày 20 tháng 7 năm 2016

Người lập:

Lâm Thị Hà
Kế toán tổng hợp

Đinh Tuấn Anh
Kế toán trưởng



Người duyệt:

Ứng Hồng Vận
Tổng Giám đốc

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VINACONEX
CÔNG TY CỔ PHẦN NEDI2

Số: 448 /2016/CV-TCKH
V/v Giải trình chênh lệch lợi nhuận
sau thuế BCTC soát xét giữa niên độ cho kỳ sáu
tháng kết thúc ngày 30/06/2016 so với kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30/06/2015.

CONG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----oOo-----
Lào Cai, ngày 25 tháng 07 năm 2016

GIẢI TRÌNH CHÊNH LỆCH LỢI NHUẬN SAUTHUẾ

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Căn cứ thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Căn cứ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh BCTC soát xét giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/06/2016 của Công ty cổ phần đầu tư và phát triển điện Miền Bắc 2 được lập vào ngày 20/07/2016 trong đó lợi nhuận sau thuế TNDN sáu tháng đầu năm 2016 so với lợi nhuận sau thuế TNDN sáu tháng đầu năm 2015 có sự thay đổi từ 10% trở lên, Công ty chúng tôi xin giải trình như sau:

Lợi nhuận sau thuế TNDN sáu tháng đầu năm 2016 là: **22.525.117.242 đồng**; Lợi nhuận sau thuế TNDN sáu tháng đầu năm 2015 là: **1.146.453.299 đồng**; Trong đó lợi nhuận sau thuế TNDN sáu tháng đầu năm 2016 tăng hơn so với lợi nhuận sau thuế TNDN sáu tháng đầu năm 2015 là: **21.378.663.943 đồng** tương đương tăng **1.965%**

Nguyên nhân tăng do:

Là doanh nghiệp sản xuất điện (thủy điện) doanh thu sản xuất điện hoàn toàn phụ thuộc vào thủy văn theo mùa.

1. Thủy văn sáu tháng đầu năm 2016 mưa đều, sản lượng điện sáu tháng đầu năm 2016 tăng 32.436.000 kwh so với sản lượng điện sáu tháng đầu năm 2015 tương đương tăng 30.191.937.337 đồng doanh thu.
2. Chi phí lãi vay, chi phí bảo lãnh vay vốn sáu tháng đầu năm 2016 giảm so với chi phí lãi vay, chi phí bảo lãnh vay vốn sáu tháng đầu năm 2015.

Hai nguyên nhân chủ yếu trên đã làm cho lợi nhuận sau thuế TNDN sáu tháng đầu năm 2016 tăng so với lợi nhuận sau thuế TNDN sáu tháng đầu năm 2015 tương ứng tăng 1.965%.

Trên đây là nội dung giải trình của Công ty về lợi nhuận sau thuế TNDN sáu tháng đầu năm 2016 tăng so với lợi nhuận sau thuế TNDN sáu tháng đầu năm 2015 của Công ty cổ phần đầu tư và phát triển điện Miền Bắc 2.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu TCHC, TCKT.

Người đại diện theo Pháp luật



TỔNG GIÁM ĐỐC
Ung Hồng Văn